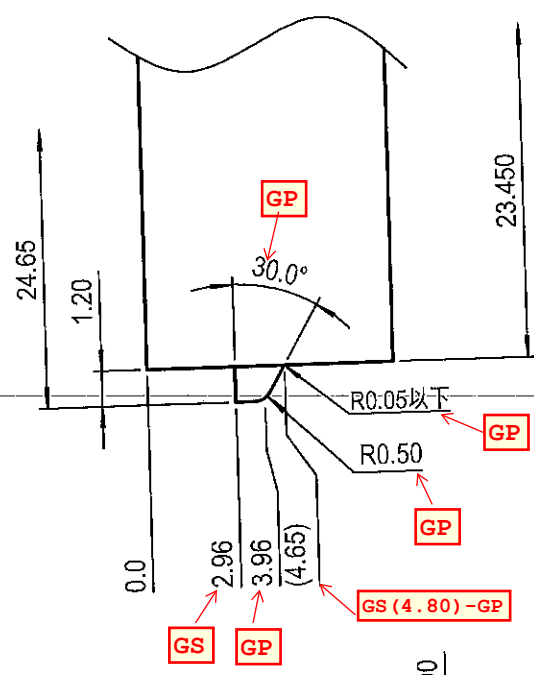


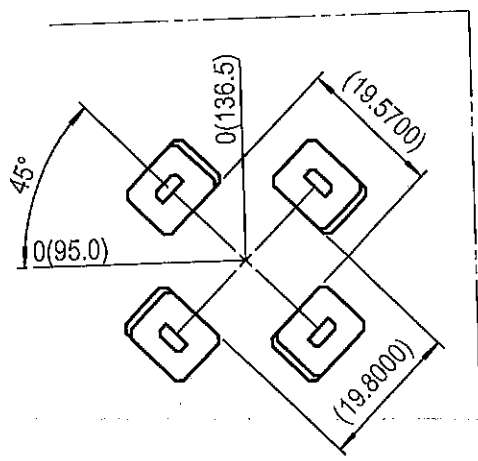
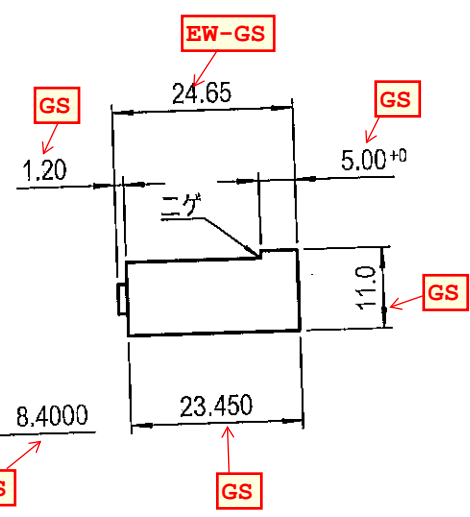
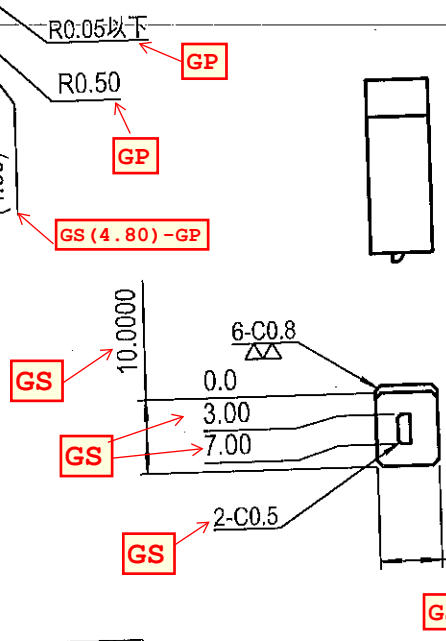
REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2016/05/13	新規設計		Lin_Wei_Cheng	Chang_Fu_Rung	0.0000	± 0.002	0.000 +0	+0 -0.005
△						0.000	± 0.005	0.000 -0	+0.005 -0
△						0.00	± 0.01	0.00 +0	+0 -0.01
△						0.0	± 0.1	0.00 -0	+0.01 -0
△						0.	± 0.2	0.0 +0	+0 -0.1
								0.0 -0	+0.1 -0

9/12

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED
FINISH MARKS
G (▽▽▽)



EW ra phôi
T9*11.5*25.1



DSGND.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
Lin_Wei_Cheng	Chang_Fu_Rung	部品図 PART DRAWING	面付けパンチ FACING PUNCH
QUENCH&TEMPER	SURFACE	部品図	倒角冲頭
HRC 0 ° ~ 0 °		部品図	倒角冲头
MATERIAL	DATE	SCALE	DWG.No.
WC(D30/HIP)	2016/05/13	1:1(4/1)	R066269

T9*13*25

MABUCHI MOTOR CO., LTD.
414 207 0216

SNO: **R066269**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: WCD30 T9*12*26	EW:30 GS:200 GP:40 KT